

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2017/DS - ST**
Ngày: 04 - 10 - 2017
V/v tranh chấp Hợp đồng Tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thả;
2. Ông Huỳnh Văn Chớ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 9 và ngày 04 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM, ngày 15 tháng 3 năm 2017 về Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX- ST ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A; địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, quận Q, thành phố W; Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú - chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hồng Nhựt – Giám đốc Ngân hàng A, chi nhánh Tây Ninh; Ông Trương Hồng Nhựt ủy quyền lại cho ông Đặng Thanh Tr; chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng A, chi nhánh Tây Ninh theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2017; ngày 28/9/2017 ông Trương Hồng Nhựt ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Mai P; chức vụ: Phó phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng A, chi nhánh Tây Ninh theo văn bản ủy quyền số 453/UQ-BIDV-TN ngày 28/9/2017. Ông Tr vắng mặt, bà P có mặt tại tòa.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị TL, sinh năm 1974 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh; địa chỉ: Tổ 5, ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ 5, ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không lý do.

+ Ông Châu Văn L, sinh năm 1959 và bà Phan Thị P, sinh năm 1961; cùng địa chỉ: ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ông L, bà P có mặt tại tòa.

Ngày 12/4/2017, ông L, bà P ủy quyền cho anh Châu NL, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp Trường Lưu, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ngày 19/6/2017, ông L, bà P ủy quyền cho anh Lê Quốc Việt, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 5 Thủ Khoa Nghĩa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2017. Ngày 25/9/2017 ông L, bà P rút lại yêu cầu ủy quyền đối anh Lê Quốc Việt. Anh NL có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn: Ngân hàng A, Đại diện ủy quyền lại ông Đặng Thanh Tr và bà Nguyễn Thị Mai P trình bày:

Ngày 26 tháng 9 năm 2011 bà Lê Thị TL là chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh (gọi tắt là DNTN Kim Quỳnh) và Ngân hàng A, chi nhánh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ cho DNTN Kim Quỳnh vay số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐ ngày 26/9/2011 bằng tài sản của bà Linh, ông Nh. Thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 26/9/2011 đến ngày 26/3/2012 là tất toán nợ, lãi suất 17,6%/năm.

Ngày 05/01/2012 DNTN Kim Quỳnh ký tiếp Hợp đồng tín dụng số: 01/2012/HĐ với số tiền vay là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2012/HĐ ký ngày 05/01/2012 bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số: BC120560, số vào sổ cấp: CH00448, với diện tích 12.554,7m², tại thửa số 270, 271, tờ bản đồ số 06 do UBND huyện Hòa Thành, cấp ngày 23/9/2010 là tài sản của ông Châu Văn L và bà Phan Thị P bảo lãnh cho DNTN Kim Quỳnh vay vốn. Thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 10/01/2012 đến ngày 10/01/2013, lãi suất vay là 17%/năm.

Ngày 26/03/2012 sau khi tất toán hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 26/09/2011, DNTN Kim Quỳnh ký lại hợp đồng tín dụng mới số 02/2012/HĐ ngày 27/03/2012, với số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 27/03/2012 đến 27/03/2013. Lãi suất cho vay theo thỏa thuận 13%/năm (1,08%/tháng) tính trên vốn gốc từ ngày nhận tiền đến trả hết nợ, lãi suất quá hạn 1,62%/tháng, lãi trả vào ngày 10 hàng tháng. Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng này là Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ký ngày 26/09/2011 thế chấp các tài sản là GCNQSDĐ số: AL 209003, số vào sổ cấp: H02340; với diện tích 1.700m², tại thửa số 145, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện Tân Châu, cấp ngày 24/12/2007; GCNQSDĐ đất số: AL 161460, số vào sổ cấp: H02406, với diện tích 20.100m², tại thửa số 264, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện Tân Châu, cấp

ngày 04/02/2008; GCNQSDĐ đất số: BC 550645, số vào sổ cấp: CH50645, với diện tích 2.242m², tại thửa số 1578, tờ bản đồ số 13 do UBND huyện Tân Châu, cấp ngày 26/01/2011.

Ngày 25/10/2012 DNTN Kim Quỳnh bổ sung tài sản của ông Nguyễn Văn Đăng và bà Lê Kim Ngọc là GCNQSDĐ đất số: BG 333935, số vào sổ cấp: CH03935, diện tích: 9.000 m², thửa đất số: 669, tờ bản đồ số: 18B, đất tọa lạc tại xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do UBND huyện Tân Châu, cấp ngày 11/06/2012 theo Hợp đồng thế chấp số 204B/2012/HĐ ngày 25/10/2012, giá trị của tài sản là 450.000.000 đồng và bổ sung thêm tài sản của bà Lê Thị TL và ông Nguyễn Văn Nh là GCNQSDĐ đất số: AL 171225, số vào sổ cấp: H02455, diện tích: 1.700 m², thửa đất số: 124; tờ bản đồ số: 19, đất tọa lạc tại xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 03/03/2008 theo Hợp đồng thế chấp số 204A/2012/HĐ ngày 25/10/2012 giá trị tài sản là 93.000.000 đồng. Ngày 30/10/2012 DNTN Kim Quỳnh trả vào hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐ ngày 27/03/2012 với số tiền gốc 540.000.000 đồng để rút giấy GCNQSDĐ đất số: BC 550645, số vào sổ cấp: CH50645 do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 26/01/2011 của ông Nh, bà Linh ra trong Hợp đồng thế chấp số: 01/2011/HĐ ngày 26/09/2011.

Ngày 30/01/2013 DNTN Kim Quỳnh đã trả tất toán số tiền 700.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 05/01/2012, đồng thời dùng tài sản này (tài sản của ông L, bà P) thế vào tài sản đảm bảo của Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐ ngày 27/03/2012 để xuất 1 phần tài sản của bên thứ ba là tài sản của ông Đăng, bà Ngọc để trả cho bên thứ ba thì dư nợ còn lại của DNTN Kim Quỳnh là 1.960.000.000 đồng (một tỷ chín trăm sáu chục triệu đồng). Các tài sản đảm bảo cho DNTN Kim Quỳnh vay vốn tại thời điểm này gồm: GCNQSDĐ số: AL 209003, số vào sổ cấp: H02340; với diện tích 1.700m², tại thửa số 145, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện Tân Châu, cấp ngày 24/12/2007; GCNQSDĐ đất số: AL 161460, số vào sổ cấp: H02406, với diện tích 20.100m², tại thửa số 264, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện Tân Châu, cấp ngày 04/02/2008; GCNQSD đất số: AL 171225, số vào sổ cấp: H02455, diện tích: 1.700 m², thửa đất số: 124; tờ bản đồ số: 19, đất tọa lạc tại xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do UBND huyện Tân Châu cấp ngày 03/03/2008 toàn bộ tài sản trên là của ông Nh, bà Linh và GCNQSD đất số: BC120560, số vào sổ cấp: CH00448, với diện tích 12.554,7m², tại thửa số 270, 271, tờ bản đồ số 06 do UBND huyện Hòa Thành, cấp ngày 23/9/2010 là tài sản của ông L, bà P. Tổng tài sản đảm bảo cho DNTN Kim Quỳnh là 2.906.200.000đồng.

Ngày 31/01/2013 DNTN Kim Quỳnh ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2013/HĐ ngày 31/01/2013, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất vay 12%/năm. Trong ngày 31/01/2013 Ngân hàng giải ngân theo hợp đồng tín dụng hạn mức là 250.000.000 đồng cho DNTN Kim Quỳnh, tính luôn dư nợ 1.960.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐ ngày 27/03/2012. Tổng số tiền vay của DNTN Kim Quỳnh 2.210.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm mười triệu đồng). Ngày 03/10/2013 trả 20.000.000 đồng; ngày 30/10/2013 trả 20.000.000 đồng; ngày

13/01/2014 trả 20.000.000 đồng; ngày 24/02/2014 trả 20.000.000 đồng; ngày 05/4/2014 trả 20.000.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 100.000.000 đồng còn nợ tiền gốc của Ngân hàng là 2.110.000.000 đồng (hai tỷ một trăm mười triệu đồng) từ đó cho đến nay DNTN Kim Quỳnh không trả thêm khoản nào.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, báo nợ cho DNTN Kim Quỳnh nhưng cho đến nay Doanh nghiệp vẫn không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng A – Chi nhánh Tây Ninh khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc DNTN Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2017 là: 3.990.753.111 đồng (ba tỷ chín trăm chín mươi triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn một trăm mười một đồng); trong đó, nợ gốc là 2.110.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 1.293.145.889 đồng, lãi quá hạn: 587.607.222 đồng và toàn bộ lãi vay đến thời điểm tất toán của các Hợp đồng tín dụng. Nếu DNTN Kim Quỳnh và ông Nh không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị TL là chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nh chồng bà Linh không có lời khai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Châu Văn L và bà Phan Thị P cùng người đại diện ủy quyền của ông, bà là anh Châu NL trình bày:

Năm 2012 vợ chồng ông L, bà P có dùng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 12.554,7m² do ông, bà đứng tên để thế chấp bảo lãnh, bà Lê Thị TL là Chủ Doanh nghiệp vay tiền tại Ngân hàng A – chi nhánh Tây Ninh. Số tiền vay là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng). Từ lúc vay cho đến nay thì tiền lãi do em ruột của ông Nh là ông Nguyễn Văn Đăng trả. Năm 2013 ông Nh và bà Linh đã bỏ đi khỏi địa P. Nay Ngân hàng khởi kiện thì ông L, bà P không có ý kiến gì, chỉ yêu cầu ông Nh, bà Linh trả cho Ngân hàng số tiền mà ông L, bà P đã bảo lãnh vay để ông, bà lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nếu tách phần nợ ông, bà bảo lãnh trong phần tài sản đảm bảo trị giá 884.000.000 đồng thì ông L, bà P đồng ý trả số tiền gốc và phần lãi hợp lệ. Nếu Ngân hàng gộp chung các tài sản thế chấp để giải quyết, buộc ông L, bà P có trách nhiệm liên đới trả nợ thì yêu cầu Tòa án ghi nhận sau khi xử lý tài sản của ông Nh, bà Linh xong mới xử lý đến tài sản của ông L, bà P và tài sản của ông L bà P chỉ đảm bảo trả số tiền vay là 700.000.000 đồng và lãi hợp lệ theo hợp đồng

Tại phiên toà hôm nay anh Linh đại diện ủy quyền của ông L, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu và phần trình bày như trên không bổ sung gì thêm.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Việc vắng mặt không có lý do của bà Lê Thị TL là chủ DNTN Kim Quỳnh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nh chồng bà Linh: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị TL là chủ DNTN Kim Quỳnh và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Linh, ông Nh.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 369 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 146, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, buộc DNTN Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh trả cho Ngân hàng A số tiền 3.990.753.111 đồng, trong đó tiền gốc là 2.110.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2017, tiền lãi trong hạn là 1.293.145.889 đồng, tiền lãi quá hạn là 587.607.222 đồng và lãi được tiếp tục tính theo các Hợp đồng tín dụng đã ký đối với số tiền gốc từ ngày 30/9/2017 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ

Nếu DNTN Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh không trả số tiền trên, thì Ngân hàng A xử lý tài sản thế chấp của bà Linh, ông Nh không đủ để trả số tiền trên thì mới xử lý tài sản bảo lãnh của ông Châu Văn L và bà Phan Thị P.

Về án phí: Bà Lê Thị TL – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh là bị đơn và ông Nguyễn Văn Nh (chồng bà Linh) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt không lý do theo điểm a,b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và theo biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 23/6/2017 tại Phòng đăng ký kinh doanh của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Tây Ninh thì Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh vẫn đang hoạt động. Mặc khác, theo hồ sơ vay vốn của Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh với Ngân hàng A sau khi chốt nợ vào ngày 10/5/2013 thì bà Lê Thị TL và ông Nguyễn Văn Nh có ký vào biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ thì địa chỉ của Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và địa chỉ nhà ở của ông Nh, bà Linh cùng một địa chỉ tại tổ 5, ấp 6, xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, sau đó ông Nh, bà Linh thay đổi chỗ ở khác nhưng không báo với chính quyền địa P cũng như Ngân hàng biết nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị TL-

Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh là bị đơn và ông Nguyễn Văn Nh (chồng bà Linh) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về Điều luật áp dụng: Do giao dịch dân sự được các đương sự thỏa thuận và thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về thời hiệu: Vụ án được Tòa án thụ lý vào ngày 15/3/2017 nên căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015 và trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không yêu cầu tính thời hiệu nên căn cứ vào khoản 2 Điều 149 và điểm d, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 không áp dụng tính thời hiệu đối với vụ án này.

[4] Về lãi suất: Mức lãi suất và tiền lãi Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị TL-Chủ DNTN Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh trả là phù hợp với các thông báo về việc quy định lãi suất cho vay nội tệ trong giai đoạn từ ngày 27/3/2012 đến ngày 31/4/2013 do Ngân hàng cung cấp và phù hợp với mức lãi được quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005, nên chấp nhận.

[5] Về quan hệ tranh chấp: Bị đơn và đại diện theo ủy quyền Ngân hàng đã ký xác nhận nợ và quá trình vay vốn: Ngân hàng và bà Lê Thị TL-Chủ DNTN Kim Quỳnh có ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐ ngày 27/3/2012 vay số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 31/01/2013 trong hợp đồng tín dụng hạn mức này bao gồm dư nợ cả hợp đồng tín dụng số 02 nêu trên, số tiền cho vay thêm của hợp đồng hạn mức này là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, có quy định về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả và phí khi vi phạm hợp đồng và những cam kết khác được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, công nhận hợp đồng tín dụng và hợp đồng tín dụng hạn mức giữa bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và Ngân hàng A là có thật, hợp pháp. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A yêu cầu bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh trả số tiền vay tổng cộng là 3.990.753.111 đồng (ba tỷ chín trăm chín mươi triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn một trăm mười một đồng), trong đó: Tiền vốn 2.110.000.000 đồng, lãi trong hạn 1.293.145.889 đồng, lãi quá hạn 587.607.222 đồng. Trường hợp bà Lê Thị TL-Chủ DNTN Kim Quỳnh không trả được khoản nợ nêu trên thì đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thanh toán nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐ ngày 27/3/2012 đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/3/2013 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 31/01/2013 cho giải ngân số tiền 250.000.000 đồng đến ngày 31/4/2013 là ngày trả nợ cuối cùng nhưng đến nay bà Lê Thị TL-Chủ DNTN Kim Quỳnh chỉ thanh toán

được 100.000.000 đồng tiền gốc còn nợ lại Ngân hàng 2.110.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 29/9/2017 là 1.880.753.111 đồng. Bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh đã vi phạm điều khoản về nghĩa vụ thanh toán trong các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng, mặc dù đã được Ngân hàng nhiều lần làm việc yêu cầu thanh toán số nợ đến hạn nhưng bà Linh vẫn chưa thanh toán số tiền trên. Tại biên bản đối chiếu, xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 10/5/2013 giữa bà Linh là chủ Doanh nghiệp tư nhân và Ngân hàng thì bà Linh ký xác nhận công nợ còn nợ Ngân hàng tổng cộng vốn và lãi là 2.302.081.444 đồng. Sau khi xác nhận nợ với Ngân Hàng thì ông Nh, bà Linh thay đổi chỗ ở mới mà không báo với chính quyền địa P cũng như Ngân hàng biết nên bà Lê Thị TL, chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh phải chịu trách nhiệm về số nợ của Ngân hàng khởi kiện. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh thanh toán tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2017 theo thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký với tổng số tiền 3.990.753.111 là có căn cứ, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

- Đối với yêu cầu của Ngân Hàng buộc ông Nguyễn Văn Nh cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán số nợ gốc và lãi tổng cộng 3.990.753.111 đồng thì thấy rằng ông Nh và bà Linh là vợ chồng khi vay vốn tại Ngân hàng lấy danh nghĩa bà Linh là chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh để ký các hợp đồng tín dụng cũng như các tài sản đảm bảo thế chấp để vay vốn là các tài sản chung của vợ chồng, trong các hợp đồng thế chấp tài sản thì ông Nh cùng ký thực hiện việc thế chấp tài sản chung của vợ chồng để vay vốn Ngân hàng và khi xác nhận nợ với Ngân hàng tại biên bản đối chiếu, xác nhận nợ và cam kết trả nợ ngày 10/5/2013 thì ông Nh và bà Linh cùng ký tên xác nhận công nợ cam kết trả nợ nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Nh cùng bà Linh – chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh cùng có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên là phù hợp.

- Xét yêu cầu áp dụng biện pháp cưỡng chế phát mãi tài sản đã thế chấp để đảm bảo thanh toán nợ vay trong trường hợp bà Linh, chủ doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh không trả được nợ cho Ngân hàng A:

Để đảm bảo các khoản vay của các Hợp đồng tín dụng nêu trên, các tài sản dùng để đảm bảo thanh toán nợ vay theo các Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng với ông Nh, bà Linh và ông L bà P gồm: GCNQSDĐ số: AL 209003, sổ vào sổ cấp: H02340; với diện tích 1.700m², tại thửa số 145, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện Tân Châu, cấp ngày 24/12/2007, GCNQSDĐ đất số: AL 161460, sổ vào sổ cấp: H02406, với diện tích 20.100m², tại thửa số 264, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện Tân Châu, cấp ngày 04/02/2008. GCNQSDĐ đất số: AL 171225, sổ vào sổ cấp: H02455, diện tích: 1.700 m², thửa đất số: 124; tờ bản đồ số: 19, đất tọa lạc tại xã Suối Ngô, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh do UBND huyện Tân Châu, cấp ngày 03/03/2008 toàn bộ tài sản trên là của ông Nh, bà Linh và GCNQSDĐ đất số: BC120560, sổ vào sổ cấp: CH00448, với diện tích 12.554,7m², tại thửa số 270, 271, tờ bản đồ số 06 do UBND huyện Hòa Thành, cấp ngày 23/9/2010 tài sản của

ông L, bà P. Tổng tài sản đảm bảo cho DNTN Kim Quỳnh vay là 2.906.200.000đồng. Toàn bộ các tài sản trên đã được đăng ký thế chấp tại các cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Khi ký Hợp đồng tín dụng hạn mức thì Ngân Hàng cũng đã tiến hành thẩm định lại toàn bộ tài sản thế chấp thì ông Nh, bà Linh, ông L, bà P cũng đồng ý ký xác nhận vào các biên bản thẩm định lại giá trị tài sản trên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông L bà P và người đại diện ủy quyền của ông L bà P cũng không ý kiến gì về việc Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn cho DNTN Kim Quỳnh là hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay giữa Ngân hàng và đại diện ủy quyền của ông L, bà P là anh Châu NL thống nhất thỏa thuận trường hợp phát mãi tài sản để trả nợ thì ưu tiên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của ông Nh, bà Linh trả nợ, nếu còn dư nợ thì mới phát mãi tài sản của ông L, bà P để trả nợ nhưng tài sản của ông L, bà P chỉ trả khoản vay 700.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 31/01/2013, việc thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[6] Về án phí: ông Nguyễn Văn Nh cùng bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh cùng có nghĩa vụ liên đới phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và các Điều 323, 342, 715, 716 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh về số tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Buộc bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền vay gốc 2.110.000.000 đồng và tiền lãi là 1.880753.111 đồng, tổng cộng là 3.990.753.111 đồng (ba tỷ chín trăm chín mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm mười một đồng), tiền lãi đã tính đến ngày 29/9/2017.

Bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày 29/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐ ngày 27/3/2012 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 31/01/2013.

Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Khi Bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh trả xong nợ gốc, tiền lãi, Ngân hàng A có trách nhiệm giải chấp và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL 209003, số vào sổ cấp: H02340 cấp ngày 24/12/2007, GCNQSD đất số: AL 161460, số vào sổ cấp: H02406 cấp ngày 04/02/2008. Giấy CNQSD đất số: AL 171225, số vào sổ cấp: H02455 cấp ngày 12/06/2012 cho ông Nguyễn Văn Nh, bà Lê Thị TL. Giấy CN QSD đất số: BC 120560, số vào sổ cấp: CH00448 cấp ngày 23/09/2010 cho ông Châu Văn L và bà Phan Thị P.

2/ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A đối với bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh về yêu cầu phát mãi toàn bộ số tài sản thế chấp để thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Nh và bà Linh.

Trường hợp bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh không thanh toán được khoản nợ thì bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh phải chịu biện pháp cưỡng chế phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL 209003, số vào sổ cấp: H02340 cấp ngày 24/12/2007, GCNQSD đất số: AL 161460, số vào sổ cấp: H02406 cấp ngày 04/02/2008. Giấy CNQSD đất số: AL 171225, số vào sổ cấp: H02455 cấp ngày 12/06/2012 cho ông Nguyễn Văn Nh, bà Lê Thị TL đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/2011/HĐ ngày 26/9/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204A/2012/HĐ ngày 25/10/2012; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2012/HĐ ngày 05/01/2012 để thanh toán số tiền đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh và ông Nguyễn Văn Nh tại Ngân hàng A là gốc 2.110.000.000 đồng và tiền lãi là 1.880753.111 đồng, tổng cộng là 3.990.753.111 đồng (ba tỷ chín trăm chín mươi triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn một trăm mười một đồng), tiền lãi đã tính đến ngày 29/9/2017 và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ bảo đảm kể từ sau ngày 29/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ bảo đảm này, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số số 02/2012/HĐ ngày 27/3/2012 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐ ngày 31/01/2013.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Ngân hàng A với ông Châu Văn L và bà Phan Thị P: Trường hợp phát mãi toàn bộ tài sản trên để trả nợ thì ưu tiên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của ông Nh, bà Linh trả nợ, nếu còn dư nợ thì mới phát mãi tài sản của ông L, bà P để trả nợ, tài sản của ông L, bà P chỉ trả khoản vay 700.000.000đ và lãi phát sinh được tính từ ngày 31/01/2013 theo các hợp đồng.

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Nh cùng bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh cùng có nghĩa vụ liên đới chịu 111.815.062 (một trăm mười một triệu tám trăm mười lăm nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 53.493.000đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kinh doanh sơ thẩm Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0024036 ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4/ Báo cho Ngân hàng A, ông Châu Văn L, bà Phan Thị P, anh Châu NL biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn Nh cùng bà Lê Thị TL-Chủ Doanh nghiệp tư nhân Kim Quỳnh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang